Chi tiết mã HS 9402.10.10

Mã HS	9402.10.10
Mô tả hàng hóa	Đồ nội thất trong ngành y, giải phẫu, nha khoa hoặc thú y (ví dụ, bàn mổ, bàn khám, giường bệnh có lắp các bộ phận cơ khí, ghế nha khoa); ghế cắt tóc và các loại ghế tương tự, có thể xoay, ngả và nâng hạ; bộ phận của các mặt hàng trên / - Ghế nha khoa, ghế cắt tóc hoặc các loại ghế tương tự và các bộ phận của chúng: / - - Ghế nha khoa và các bộ phận của chúng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 14:06:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/94021010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18532
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18532
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18532
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17837
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17766
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17766
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17766
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17766
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17766
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17766
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17822
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17822
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17822
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17822

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17822
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17822
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17823
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17823
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17823
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17823
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17823
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17823
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17828
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17785
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17780
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17780
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17780
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17780
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17780
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17780
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17826
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17826
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17826
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17826
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17826
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17826
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17888
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17888
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17888
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17888
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17888
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17866
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17866
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17866
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17866
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17866
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17866
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17859
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17859
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17859
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17859
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17859
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17859
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17889
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17889
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17889
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17889
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17889
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17889
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17888
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17888
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17888
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17888
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17888
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17982
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17982
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17982
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17982
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17982
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17982
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17982
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17851
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17851
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17851
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17851
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17851
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17851
RCEP B	2022	2022	0	B!D17851
RCEP B	2023	2023	0	B!E17851
RCEP B	2024	2024	0	B!F17851
RCEP B	2025	2025	0	B!G17851
RCEP B	2026	2026	0	B!H17851
RCEP B	2027	2027	0	B!I17851
RCEP C	2022	2022	0	C!D17849
RCEP C	2023	2023	0	C!E17849
RCEP C	2024	2024	0	C!F17849
RCEP C	2025	2025	0	C!G17849
RCEP C	2026	2026	0	C!H17849
RCEP C	2027	2027	0	C!I17849
RCEP D	2022	2022	0	D!D17848

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17848
RCEP D	2024	2024	0	D!F17848
RCEP D	2025	2025	0	D!G17848
RCEP D	2026	2026	0	D!H17848
RCEP D	2027	2027	0	D!I17848
RCEP E	2022	2022	0	E!D17852
RCEP E	2023	2023	0	E!E17852
RCEP E	2024	2024	0	E!F17852
RCEP E	2025	2025	0	E!G17852
RCEP E	2026	2026	0	E!H17852
RCEP E	2027	2027	0	E!I17852
RCEP F	2022	2022	0	F!D17851
RCEP F	2023	2023	0	F!E17851
RCEP F	2024	2024	0	F!F17851
RCEP F	2025	2025	0	F!G17851
RCEP F	2026	2026	0	F!H17851
RCEP F	2027	2027	0	F!I17851
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16729
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16729
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16729
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16729

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9402.10 có 2 dòng thuế; dòng 9402.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ghế nha khoa và các bộ phận của chúng.	9402.10.30 Ghế cắt tóc hoặc các loại ghế tương tự và các bộ phận của chúng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9402.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9402.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18532), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.